HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM **BCH HỘI NÔNG DÂN TP BẮC NINH** * Số 16 - HD/HNDTP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Bắc Ninh, ngày 19 tháng 10 năm 2026*

HƯỚNG DẪN
Bình xét, công nhận danh hiệu "Hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi" năm 2026

Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành Quy định về công nhận danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp;

Căn cứ Quyết định số 2103-QĐ/HNDTW ngày 03/11/2025 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến công nhận danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp;

Căn cứ Hướng dẫn số 286-HD/HNDTW ngày 24/3/2026 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thực hiện tiêu chí 3.8 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026–2030;

Căn cứ tình hình thực tế phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi tại địa phương;

Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố hướng dẫn việc bình xét và công nhận danh hiệu "Hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi" năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; khuyến khích hội viên, nông dân phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh.

2. Phát hiện, biểu dương và nhân rộng những hộ nông dân có mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả; có ý thức bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn thực phẩm, chấp hành pháp luật và tích cực hỗ trợ các hộ nông dân khác phát triển kinh tế.

3. Việc bình xét phải bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, đúng đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền và trình tự theo quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và hướng dẫn của Hội Nông dân cấp trên.

4. Kết quả bình xét phải phản ánh đúng thực chất hiệu quả sản xuất, kinh doanh của hộ; không chạy theo số lượng, không bình xét hình thức, không đưa vào danh sách công nhận những hộ chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI BÌNH XÉT

1. Đối tượng bình xét là các hộ nông dân trực tiếp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định hiện hành về danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

2. Hộ được đề nghị xét công nhận phải đăng ký thi đua theo quy định; có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế tại địa phương và đáp ứng các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể tương ứng với cấp đề nghị công nhận.

3. Đối với danh hiệu cấp cơ sở, Hội Nông dân xã/phường tổ chức bình xét, thẩm định và quyết định công nhận theo đúng thẩm quyền được quy định tại văn bản hiện hành của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

4. Việc lập danh sách đề nghị công nhận ở cấp cao hơn (nếu có) phải thực hiện riêng theo tiêu chuẩn, thành phần hồ sơ và quy trình của cấp có thẩm quyền; không mặc nhiên lấy kết quả công nhận cấp cơ sở làm căn cứ đủ điều kiện công nhận ở cấp cao hơn.

III. TIÊU CHUẨN BÌNH XÉT

1. Tiêu chuẩn chung

- Là hội viên, nông dân gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, tích cực đóng góp xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Năng động, sáng tạo, tích cực học tập, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, sinh thái trong nông nghiệp, nông thôn; bảo đảm an toàn vệ sinh trong hoạt động, sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh.

- Tích cực liên kết, hợp tác thực hiện đoàn kết, tương trợ giúp nhau trong sản xuất, kinh doanh tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn, cùng nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

2.1. Phương pháp xác định tiêu chuẩn về thu nhập để xét công nhận danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp trong Quyết định số 2103-QĐ/HNDTW, ngày 03/11/2025, Công văn số 278-CV/HNDTW ngày 26/8/2026 Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, cụ thể như sau:

- Đối với xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thì tiêu chuẩn về thu nhập để xét công nhận danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi hằng năm được tính so với mức "*Thu nhập bình quân đầu người của xã năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới*" quy định tại Điều 4 Thông tư số 52/2026/TT-BTC, ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính.

- Đối với xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thì tiêu chuẩn về thu nhập được tính như sau:

+ Đối với xã đang làm hồ sơ đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì tiêu chuẩn về thu nhập được tính so với "*Thu nhập bình quân đầu người của xã năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới*" quy định tại Điều 4 Thông tư số 52/2026/TT-BTC, ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính.

+ Đối với xã chưa làm hồ sơ đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nhưng có số liệu thống kê thu nhập bình quân đầu người của xã năm xét công nhận danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi thì tiêu chuẩn về thu nhập được tính so với thu nhập bình quân đầu người của xã năm đó.

+ Đối với xã chưa làm hồ sơ đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chưa có số liệu thống kê thu nhập bình quân đầu người của xã năm xét công nhận danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi thì tiêu chuẩn về thu nhập được tính so với thu nhập bình quân đầu người của xã năm trước liền kề năm xét công nhận danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi; trường hợp không có số liệu của năm trước liền kề thì được tính so với thu nhập bình quân đầu người của xã năm gần nhất tính đến năm xét công nhận danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi.

- Đối với hộ hội viên, nông dân thuộc địa bàn các phường thì tiêu chuẩn về thu nhập để xét công nhận danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi được tính so với mức thu nhập bình quân đầu người của phường đó tại năm đề nghị xét công nhận; trường hợp chưa có số liệu thu nhập bình quân đầu người tại năm đề nghị xét công nhận thì được tính so với năm trước liền kề; trường hợp không có số liệu của năm trước liền kề thì được tính so với năm gần nhất tính đến năm xét công nhận danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi.

- Trong thời gian thực hiện xét công nhận danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi mà xã/phường có sự điều chỉnh địa giới hành chính do sáp nhập đơn vị hành chính thì tiêu chuẩn về thu nhập được tính so với thu nhập bình quân đầu người của xã/phường mới; trường hợp chưa có số liệu thu nhập bình quân đầu người của xã/phường thì được tính so với thu nhập bình quân đầu người của xã/phường mới có mức thu nhập bình quân đầu người thấp nhất tại năm trước liền kề trong số các xã/phường trước khi điều chỉnh địa giới hành chính. Trường hợp xã/phường có sự thay đổi tên đơn vị hành chính thì tiêu chuẩn về thu nhập được tính so với thu nhập bình quân đầu người của xã/phường mới, trường hợp chưa có số liệu của xã/phường thì so với thu nhập bình quân đầu người của xã/phường tại năm liền kề trước khi thay đổi.

- Số liệu thu nhập bình quân đầu người của xã/phường là số liệu thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố; trường hợp chưa có số liệu thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố thì sử dụng số liệu do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp, xác nhận theo quy định.

2.2. Tiêu chuẩn về thu nhập

- Bình xét hộ nông dân SXKD giỏi các cấp trên 02 tiêu chuẩn: tiêu chuẩn về thu nhập và tiêu chuẩn về đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Đối với tiêu chuẩn về thu nhập căn cứ theo mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới theo vùng của Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới hoặc theo quy định do UBND thành phố ban hành cho từng nhóm xã phù hợp theo từng giai đoạn *(Giai đoạn 2026-2030 thực hiện theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và Thông tư 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính)*.

- Tiêu chuẩn đạt danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi các cấp được quy định cụ thể như sau:

2.2.1. Danh hiệu Hộ nông dân SXKD giỏi cấp cơ sở (xã, phường)

- Về tiêu chuẩn thu nhập: **gấp 1,5 lần** so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về tiêu chuẩn đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau: Hằng năm tạo việc làm cho 02 lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất 02 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

2.2.2. Hộ nông dân SXKD giỏi cấp thành phố

- Về tiêu chuẩn thu nhập: **gấp 04 lần** so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về tiêu chuẩn đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau: hằng năm tạo việc làm cho **05** lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất **05** hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

2.2.3. Hộ nông dân SXKD giỏi cấp Trung ương

- Về tiêu chuẩn thu nhập: **gấp 05 lần** so với mức thu nhập bình quân đầu người xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về tiêu chuẩn đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau: hằng năm tạo việc làm cho **10** lao động trở lên và có một trong các hoạt động giúp đỡ về vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho ít nhất **10** hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

IV. ĐĂNG KÝ, BÌNH XÉT VÀ CÔNG NHẬN HỘ NÔNG DÂN SXKDG CÁC CẤP

1. Đăng ký danh hiệu thi đua

- Hằng năm, các cấp hội xây dựng kế hoạch, tổ chức phát động, hướng dẫn cho hộ nông dân đăng ký thi đua đạt danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi các cấp.

- Thời gian đăng ký hộ SXKD giỏi các cấp hoàn thành trong quý I của năm.

2. Bình xét ban hành quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi các cấp

Các cấp Hội hằng năm tổ chức bình xét, ban hành quyết định công nhận hộ nông dân SXKD giỏi của cấp mình theo đề nghị của tổ chức hội cấp dưới trực tiếp, Cụ thể:

- Danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi cấp cơ sở do Hội Nông dân cấp cơ sở ban hành quyết định công nhận.

- Danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi cấp thành phố do Hội Nông dân thành phố ban hành quyết định công nhận.

- Danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi cấp Trung ương do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành quyết định công nhận (5 năm một lần).

3. Thời gian bình xét

- *Cấp cơ sở*: tổ chức bình xét, ban hành quyết định công nhận trước **15/11** hằng năm.

- *Cấp thành phố*: tổ chức xét, ban hành quyết định công nhận trước **30/11** hằng năm.

4. Hồ sơ đề nghị xét công nhận hộ nông dân SXKD giỏi các cấp *(có biểu mẫu kèm theo)*

4.1. Danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi cấp cơ sở

- Biên bản họp bình xét của chi, tổ hội.

- Danh sách trích ngang, tóm tắt thành tích đề nghị xét duyệt của hộ nông dân SXKD giỏi cấp cơ sở.

4.2. Danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi cấp thành phố

- Tờ trình của Hội Nông dân xã, phường

- Biên bản bình xét của Ban Thường vụ Hội Nông dân xã, phường

- Danh sách trích ngang, tóm tắt thành tích đề nghị xét duyệt của hộ nông dân SXKD giỏi cấp thành phố.

4.3. Danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi cấp Trung ương

- Tờ trình của Hội Nông dân thành phố.

- Biên bản bình xét của Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố.

- Danh sách đề nghị xét duyệt nông dân đạt danh hiệu hộ nông dân SXKD giỏi cấp Trung ương.

- Báo cáo tóm tắt thành tích của nông dân SXKD giỏi *(có xác nhận của chính quyền cơ sở).*

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Nông dân hành phố

- Ban hành hướng dẫn thực hiện quy trình đăng ký, bình xét hộ nông dân SXKD giỏi các cấp nhằm cụ thể hóa các tiêu chuẩn về hộ nông dân SXKD giỏi các cấp trên địa bàn thành phố phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tế của địa phương; giúp các cấp Hội nắm được các tiêu chuẩn trong tổ chức bình xét và công nhận hộ nông dân SXKD giỏi các cấp.

- Giao Ban Công tác Nông dân tham mưu cho Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố tổ chức thực hiện Hướng dẫn; theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện ở cấp cơ sở.

2. Hội Nông dân xã, phường

- Tổ chức triển khai thực hiện đăng ký, bình xét và công nhận hộ nông dân SXKD giỏi các cấp theo hướng dẫn; đồng thời báo cáo, gửi hồ sơ đề nghị hộ nông dân SXKD giỏi cấp thành phố, cấp Trung ương về Hội Nông dân thành phố (*qua Ban Công tác nông dân)* trước ngày **15/11 của năm.**

Trong quá trình thực hiện bảo đảm việc bình xét, công nhận danh hiệu thực sự dân chủ, khách quan, đúng quy định.

Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố yêu cầu Ban Thường vụ Hội Nông dân các xã, phường căn cứ hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- TT HND TP,
- Ban Công tác Nông dân,
- Lưu: VT.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH HỘI NÔNG DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Đào Duy Hữu

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH HỘI NÔNG DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

PHỤ LỤC 1
Phân loại nhóm xã thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026–2030 (theo Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh về phân loại nhóm xã thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026–2030. Kết quả chính thức là **66 xã (hiện nay còn 54 xã) được chia thành 3 nhóm: nhóm 1 có 18 xã, nhóm 2 có 15 xã, nhóm 3 có 21 xã**, cụ thể như sau

I. Nhóm 1: 18 xã

Tên xã	Tên xã
1. Tân Yên	10. Liên Bão
2. Đồng Việt	11. Tân Chi
3. Tân Dĩnh	12. Văn Môn
4. Tiên Lục	13. Tam Giang
5. Nhã Nam	14. Yên Trung
6. Xuân Cẩm	15. Tam Đa
7. Lục Ngạn	16. Đông Cứu
8. Đại Đồng	17. Lâm Thao
9. Phật Tích	18. Trung Chính

II. Nhóm 2: 15 xã

Tên xã	Tên xã
1. Đại Lai	9. Hoàng Vân
2. Cao Đức	10. Phúc Hòa
3. Trung Kênh	11. Quang Trung
4. Yên Thế	12. Mỹ Thái
5. Ngọc Thiện	13. Bảo Đài
6. Hợp Thịnh	14. Đông Phú
7. Bắc Lũng	15. Cẩm Lý
8. Kiên Lao	

III. Nhóm 3: 21 xã

Tên xã	Tên xã
1. Vân Sơn	11. Tam Tiến
2. Yên Định	12. Sa Lý
3. Sơn Động	13. Tuấn Đạo
4. An Lạc	14. Lục Sơn
5. Đại Sơn	15. Sơn Hải

6. Biển Động	16. Tây Yên Tử
7. Dương Hưu	17. Biên Sơn
8. Đồng Kỳ	18. Xuân Lương
9. Tân Sơn	19. Trường Sơn
10. Đèo Gia	20. Nghĩa Phương
	21. Nam Dương

Lưu ý: **45 đơn vị còn lại là 45 phường của thành phố Bắc Ninh** Theo Điều 2 Quyết định 51/2025/QĐ-TTg không tự động được xếp vào nhóm 1, 2 hoặc 3.

PHỤ LỤC 2
Chỉ tiêu thu nhập theo Quyết định 51/2025/QĐ-TTg

1. Chỉ tiêu thu nhập áp dụng cho 3 nhóm xã tại Bắc Ninh

Theo Tiêu chí 3.1 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026–2030, tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người được yêu cầu bình quân từ **9,5% đến 12%/năm**.

Nhóm xã theo Quyết định 695/QĐ-UBND	Số xã toàn tỉnh Bắc Ninh	Tỷ lệ đạt danh hiệu SXKD gỏi	Chỉ tiêu thu nhập theo Quyết định 51/2025/QĐ-TTg
Nhóm 1	18	60% số hộ đăng ký	Tăng bình quân 9,5–12%/năm
Nhóm 2	15	50% số hộ đăng ký	Tăng bình quân 9,5–12%/năm
Nhóm 3	21	40% số hộ đăng ký	Tăng bình quân 9,5–12%/năm

2. Cách tính mức thu nhập bằng tiền cho từng nhóm xã

Theo Thông tư 52/2026/TT-BTC, thu nhập bình quân đầu người của xã được tính bằng tổng thu nhập của toàn bộ hộ dân cư trong năm chia cho tổng số nhân khẩu thực tế thường trú trong năm.

Ví dụ minh họa, nếu thu nhập bình quân đầu người năm trước tại một xã thuộc nhóm 1 là 80 triệu đồng/người/năm thì:

- Tăng 9,5%: 80×1,095=87,680×1,095=87,6 triệu đồng/người/năm.

- Tăng 12%: 80×1,12=89,680×1,12=89,6 triệu đồng/người/năm.

Như vậy, mức thu nhập tương ứng năm sau sẽ nằm trong khoảng 87,6–89,6 triệu đồng/người/năm nếu xã đạt tốc độ tăng trong khoảng quy định. Đây chỉ là ví dụ, không phải mức thu nhập chính thức của xã nhóm 1 tại Bắc Ninh.

Ví dụ: Nếu áp dụng mức chuẩn **87,6 triệu đồng/người/năm đối với nhóm 1** để minh họa cách tính theo Quyết định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024, ngưỡng thu nhập sẽ là:

Cấp xét danh hiệu	**Hệ số**	**Mức thu nhập bình quân đầu người/năm**
Cấp cơ sở (xã, phường)	1,5 lần	131,4 triệu đồng
Cấp tỉnh	4 lần	350,4 triệu đồng
Cấp Trung ương	5 lần	438 triệu đồng

Phụ lục 3

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
HỘI NÔNG DÂN TP BẮC NINH
BCH HND XÃ/PHƯỜNG……

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

*

THỐNG KÊ DANH SÁCH
HỘ NÔNG DÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỎI CẤP CƠ SỞ
XÃ/PHƯỜNG……THÀNH PHỐ BẮC NINH
NĂM…….

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ (thôn, TDP…)	Loại hình sản xuất, kinh doanh					
			Trồng trọt	Chăn nuôi	Nuôi trồng thủy sản	Trồng trọt kết hợp chăn nuôi/ nuôi trồng thủy sản	Sản xuất kết hợp dịch vụ	Loại hình khác
I	**Hộ SXKD giỏi cấp xã**		**1**	**2**				
1	Nguyễn Văn A	Thôn B, xã A	1					
2				1				
…				1				
II	**Hộ SXKD giỏi cấp thành phố**		**1**		**2**			
1	Nguyễn Văn B	Thôn C, xã D	1					
2					1			
…					1			
III	**Hộ SXKD giỏi cấp Trung ương**		**2**		**1**	**1**		
1	Nguyễn Văn E	Thôn H, xã N	1			1		
2			1		1			
…								

**** Ghi chú:*** Đánh số 1 vào ô tương ứng và cộng tổng theo danh hiệu.

Ngày .... tháng .... năm .....
TM BAN THƯỜNG VỤ
(Ký tên, đóng dấu)